

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 05/02/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị T, anh Ph (chị T, anh Ph xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn Ph vào ngày 16/12/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung hay xảy ra bất đồng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng luôn căng thẳng, bản thân anh Ph hắt hủi, không quan tâm đến vợ con, đồng thời anh Ph còn ham mê cờ bạc. Hiện anh, chị đang sống ly thân nhau. Chị xác định tình cảm giữa chị và anh Ph không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có một con chung là Trần Bảo Minh Q, sinh ngày 04/02/2015. Sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn Ph trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn anh đồng ý với quan điểm của chị T. Về tình cảm anh cũng xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hai bên hay rầy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, hiện tại anh chị đang sống ly thân nhau. Nay chị T có đơn ly hôn, anh xác định không còn tình cảm, anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị T, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Trần Bảo Minh Q, sinh ngày 04/02/2015. Kể từ thời điểm vợ chồng anh, chị ly thân từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2020 cháu Q ở cùng với anh. Kể từ khi anh bị bắt tạm giam ngày 29/11/2020 do hành vi đánh bạc thì cháu Q ở cùng với chị T. Trong quá trình giải quyết ban đầu anh có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Q, tuy nhiên sau khi bàn bạc trao đổi anh thấy rằng nếu chị T cũng có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý để cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh chị nhưng anh chị không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết nên Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị T, anh Ph xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị T, anh Ph đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Trần Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Trần Văn Ph có nơi cư trú tại Thôn V, xã T, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T, anh Ph có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Ph tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Trị, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh chị hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc và hiện tại đang sống ly thân nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với anh Ph. Anh Ph cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng phù hợp như lời khai của chị T. Anh cũng xác định cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh chị sống ly thân nhau kể từ tháng 01/2019 đến nay. Anh Ph xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy chị T, anh Ph đã sống ly thân một thời gian dài, đời sống chung không có, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn của chị T, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh Ph có một con chung là Trần Bảo Minh Q, sinh ngày 04/02/2015 hiện nay đang ở cùng chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh Ph ban đầu có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên trong đơn xin giải quyết vắng mặt anh trình bày quan điểm nếu chị T

cũng có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý để cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn Ph.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Bảo Minh Q, sinh ngày 04/02/2015 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001654 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã T 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh